

Bản án số: **07/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 25.4.2025

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ ,TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **386/2024/TLST- HNGĐ** ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: K656/1/12 T, Tổ B, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

-Bị đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: K656/1/12 T, Tổ B, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày; biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và anh Trần Văn H quen nhau được khoảng 04 năm rồi kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, TP Đà Nẵng vào ngày 05/01/2011.

Sau khi cưới chúng tôi thuê trọ sống tại phường H, quận C, TP Đà Nẵng; đến năm 2014 thì chúng tôi có nhà riêng và sống tại địa chỉ K T, Tổ B, phường H, quận C, TP Đà Nẵng cho đến nay. Năm 2022 tôi có gửi đơn ly hôn 01 lần với chồng tôi và sau đó rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Vợ chồng tôi chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, và trầm trọng là từ năm 2023 cho đến nay; nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp; anh H sống không có trách nhiệm với vợ con; ham chơi không lo làm ăn.

Hiện nay tôi không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn H

-Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Trần Thị Ngọc Y, sinh ngày 06/9/2011 và Trần Thị Ngọc O, sinh ngày 06/9/2011.

Hiện nay cả 02 con chung đều đang sống cùng tôi.

Ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Thị Ngọc Y và Trần Thị Ngọc O.

Theo đơn khởi kiện tôi yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Tuy nhiên hiện nay anh H không chịu đến Tòa án theo triệu tập do vậy tôi không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nữa.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh H vẫn vắng mặt không có lý do và anh H cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn anh Trần Văn H đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập do vậy căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt anh H.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D đối với anh Trần Văn H:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về quan hệ con chung:

Xử giao 02 con chung là Trần Thị Ngọc Y, sinh ngày 06/9/2011 và Trần Thị Ngọc O, sinh ngày 06/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị D xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Chị D xác định vợ chồng chị không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung đối với anh Trần Văn H và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị D là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Trần Văn H quen nhau được khoảng 04 năm rồi kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, TP Đà Nẵng vào ngày 05/01/2011 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D anh H thuê trọ sống tại phường H, quận C, TP Đà Nẵng; đến năm 2014 thì có nhà riêng và sống tại địa chỉ K T, Tổ B, phường H, quận C, TP Đà Nẵng cho đến nay.

Theo chị D thì vợ chồng chị quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vào năm 2022 chị D có gửi đơn ly hôn 01 lần với anh H và sau đó rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ theo Quyết định đình chỉ số 273/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ. Mặc dù hiện nay vợ chồng chị vẫn ở chung một nhà nhưng mâu thuẫn của vợ chồng chị trầm trọng hơn từ năm 2023 cho đến nay; nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp; anh H sống không có trách nhiệm với vợ con; ham chơi không lo làm ăn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị D xác định chị không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để cho anh Trần Văn H có ý kiến nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay anh H vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Vì vậy HĐXX quyết định xử vắng mặt anh Trần Văn H.

[2.4] Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy: Quá trình xác minh thể hiện hiện nay chị D và anh H vẫn chung sống cùng một nhà tại địa chỉ K T, Tổ B, phường H, quận C, TP Đà Nẵng, địa phương không thấy chị D và anh H có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, theo như trình bày của chị D cũng như chứng cứ chị D cung cấp thể hiện chị D và anh H có mâu thuẫn nên vào năm 2022 chị D đã 01 lần gửi đơn xin ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ; sau đó chị D tự nguyện rút đơn ly hôn để cho anh H cơ hội hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, mâu thuẫn vẫn tiếp tục diễn ra và trầm trọng hơn từ năm 2023 đến nay; mặc dù hai vợ chồng chung sống cùng nhau trong một nhà nhưng tình cảm vợ chồng

không có, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh H đều không có mặt, điều đó thể hiện anh H không có thiện chí trong việc khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ.

Căn cứ Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh Trần Văn H là hợp lý.

[2.5] Về con chung: Chị D xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Ngọc Y, sinh ngày 06/9/2011 và Trần Thị Ngọc O, sinh ngày 06/9/2011. Hiện nay cháu Y và cháu O đang sống cùng với chị D. Vợ chồng ly hôn, chị D đề nghị Tòa án giao 02 cháu Trần Thị Ngọc Y, sinh ngày 06/9/2011 và Trần Thị Ngọc O, sinh ngày 06/9/2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và chị D không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5.1] Xét nguyện vọng của chị D thì thấy:

Đối với con chung là cháu Trần Thị Ngọc Y và Trần Thị Ngọc O hiện đang sống cùng mẹ là chị D. Chị D có công việc ổn định và có thu nhập nên đảm bảo điều kiện về vật chất và tinh thần tốt nhất cho sự phát triển của cháu Y, cháu O, cũng như cháu Y cháu O là con gái nên cần rất cần sự chăm sóc chu đáo của mẹ; ngoài ra nguyện vọng của cháu Y và cháu O đều mong muốn được sống cùng với mẹ. Do vậy, HĐXX nghĩ nên giao cháu Y cháu O cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[2.5.2] Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị D không có yêu cầu và anh H cũng không có ý kiến về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.6] Về tài sản chung: Chị D xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.7] Về nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.8] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định pháp luật.

[2.9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Trần Văn H. Về quan hệ con chung: Xử giao con 02 chung là Trần Thị Ngọc Y, sinh ngày 06/9/2011 và Trần Thị Ngọc O, sinh ngày 06/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Chị D xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về quan hệ nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có nên không đề cập giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D đối với anh Trần Văn H về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

I/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Trần Văn H.

II/ Về quan hệ con chung: Xử:

-Giao 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc Y, sinh ngày 06/9/2011 và Trần Thị Ngọc O, sinh ngày 06/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

III/ Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

IV/ Về quan hệ nợ chung: Không có

V/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị D đã nộp tại biên lai thu số 0001993 ngày 23/10/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ. Chị D đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ ;
- UBND phường Hòa Phát, q . Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy CNKH số: 01/2011
ngày 05/01/2011)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa